

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 02 năm 2022

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Bà H' Gun Niê

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị B, sinh năm 1985. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Minh T, sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Chị B kết hôn với anh Vũ Minh T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 20/9/2013. Sau khi kết hôn, anh chị cư trú tại thôn Q, thị trấn B, huyện K. Từ khi kết hôn đến nay, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên bài bạc, rượu chè, phá tán tài sản gia đình, gây nợ nần. Chị B nhiều lần khuyên ngăn và đứng ra trả nợ thay

cho anh T. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị đã nhiều lần làm đơn ly hôn anh T, vì hạnh phúc gia đình và tương lai các con nên chị đã rút đơn cho anh T cơ hội để cải sửa lỗi lầm nhưng anh vẫn không thay đổi. Hiện hai người đã sống ly thân. Nhận thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Minh T.

Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung: Vũ Minh K, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2014; Vũ Cát An V, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2020. Khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, số tiền 1.400.000^d/1tháng cho cháu Vũ Minh K cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Vũ Minh T để tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Tòa án nhưng anh T vắng mặt tại buổi làm việc, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị B, cho chị B được ly hôn với anh Vũ Minh T.

+ Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2014; Vũ Cát An V, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2020. Quá trình tham gia tố tụng, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Nhận thấy nguyện vọng của chị B phù hợp với điều kiện thực tế nên cần chấp nhận, giao hai cháu K và V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, số tiền 1.400.000^d/01 tháng cho cháu Vũ Minh K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Vũ Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị B có đơn khởi kiện ly hôn anh Vũ Minh T và xin nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Vũ Minh T cư trú tại thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phạm Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vũ Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị B và anh Vũ Minh T đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 20/9/2013, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu, bài bạc, gây nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện hai người đã sống ly thân. Nay chị B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, vợ chồng anh T, chị B đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh T ham chơi bài bạc, hiện hai người đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã xảy ra trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, cho chị B được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung*: Chị B và anh T có 02 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2014; Vũ Cát An V, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2020. Quá trình tham gia tố tụng, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K, số tiền 1.400.000^d/01 tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên và điều kiện thực tế giữa các bên, nhận thấy yêu cầu của chị B là phù hợp cần chấp

nhận. Giao cháu K và cháu V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị B yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, số tiền 1.400.000^d/01 tháng cho cháu Vũ Minh K đến khi đủ 18 tuổi. Nhận thấy chị B là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để chị B có điều kiện tốt hơn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của nguyên đơn, buộc bị đơn anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.400.000^d/01 tháng cho cháu Vũ Minh K, kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Nguyên đơn xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; bị đơn anh Vũ Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị B

1/ *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Vũ Minh T.

2/ *Về nuôi con chung*: Giao hai con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2014 và Vũ Cát An V, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2020 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc bị đơn anh Vũ Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.400.000^d/01 tháng (*một triệu bốn trăm nghìn đồng*) cho cháu Vũ Minh K, kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 cho đến khi cháu Kiệt đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4/ *Về án phí*: Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 6972 ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Bị đơn anh Vũ Minh T phải chịu 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT Buôn Tráp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên